**BÀI TẬP TUẦN 1, 2**

**Bài 1: GIỚI THIỆU VỀ KHOA HỌC TỰ NHIÊN**

**Câu 1.** Hoạt động nào sau đây của con người là hoạt động nghiên cứu khoa học?

A. Hoạt động sinh hoạt hàng ngày của con người trong cuộc sống.

B. Hoạt động học tập của học sinh.

C. Hoạt động làm thí nghiệm điều chế chất mới.

D. Hoạt động thả diều của các em nhỏ.

**Câu 2.** Hoạt động nào sau đây của con người **không phải** là hoạt động nghiên cứu khoa học?

A. Tìm hiểu sinh sản của loài tôm.

B. Nghiên cứu vacxin phòng bệnh.

C. Theo dõi nuôi cấy mô cây trồng trong phòng thí nghiệm.

D. Gặt lúa ở ngoài đồng.

**Câu 3.** Môn khoa học tự nhiên là môn học tìm hiểu về những điều gì?

A. Tìm hiểu về thế giới và con người

B. Tìm hiểu về động vật và thực vật

C. Tìm hiều về thế giới tự nhiên và những ứng dụng khoa học tự nhiên trong cuộc sống.

D. Tìm hiểu về khoa học kĩ thuật và những ứng dụng của khoa học kĩ thuật vào cuộc sống.

**Câu 4.**Câu nào sau đây phát biểu đúng về hoạt động nghiên cứu khoa học?

A. Hoạt động nghiên cứu khoa học là hoạt động con người chủ động học tập và làm việc.

B. Hoạt động nghiên cứu khoa học là hoạt động con người chủ động tìm tòi, khám phá ra tri thức khoa học.

C. Hoạt động nghiên cứu khoa học là hoạt động con người ứng dụng những phát minh vào cuộc sống.

D. Cả A và B đúng.

**Câu 5.** Khoa học tự nhiên có vai trò quan trọng trong:

A. Nâng cao nhận thức của con người về thế giới tự nhiên.

B. Ứng dụng công nghệ vào cuộc sống, sản xuất, kinh doanh.

C. Chăm sóc sức khỏe con người.

D. Tất cả phương án trên.

**Câu 6.**Khoa học tự nhiên nghiên cứu về lĩnh vực nào sau đây?

A. Động vật hoang dã                         B. Văn hóa các nước

C. Âm nhạc                                        D. Mỹ thuật

**Câu 7.** Theo em việc sử dụng năng lượng gió để sản xuất điện thể hiện vai trò nào dưới đây của khoa học tự nhiên?

A. Hoạt động nghiên cứu khoa học.

B. Nâng cao nhận thức của con người về thế giới tự nhiên.

C. Ứng dụng công nghệ vào cuộc sống, sản xuất, kinh doanh.

D. Chăm sóc sức khỏe con người.

**Câu 8.** Theo em việc lai tạo giống cây trồng mới để tăng năng suất thể hiện vai trò nào dưới đây của khoa học tự nhiên?

A. Hoạt động nghiên cứu khoa học.

B. Nâng cao nhận thức của con người về thế giới tự nhiên.

C. Ứng dụng công nghệ vào cuộc sống, sản xuất, kinh doanh.

D. Chăm sóc sức khỏe con người.

**Câu 9.** Điền vào chỗ trống “…” để được câu hoàn chỉnh:

Khoa học tự nhiên là ngành khoa học nghiên cứu về …, quy luật tự nhiên, những ảnh hưởng của chúng đến cuộc sống con người và môi trường.

A. động vật, thực vật B. con người, thế giới tự nhiên

C. các sự vật, hiện tượng D. thế giới tự nhiên và thế giới loài người

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

## Bài 2: CÁC LĨNH VỰC CHỦ YẾU CỦA KHOA HỌC TỰ NHIÊN

**Câu 1.**Lĩnh vực chuyên nghiên cứu về động vật thuộc lĩnh vực nào của khoa học tự nhiên?

A. Vật lí.                                  B. Hoá học.

C. Sinh học.                            D. Khoa học Trái Đất.

**Câu 2.**Vật sống có những đặc điểm nào?

A. Trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng         B. Lớn lên

C. Sinh sản D. Cả 3 đặc điểm trên

**Câu 3.**Vật nào sau đây được gọi là vật không sống?

A. Con mèo                    B. Cây cau C. Chú chuột                  D. Cái thang

**Câu 4.**Vật nào sau đây được gọi là vật sống?

A. Xe máy                                B. Cây hoa hồng

C. Người máy                           D. Bình đựng nước

**Câu 5.**Ứng dụng mô hình trồng rau thủy canh liên quan đến lĩnh vực nào của khoa học tự nhiên?

A. Vật lí.              B. Hoá học.

C. Sinh học.                              D. Khoa học Trái Đất.

**Câu 6.**Lĩnh vực nào sau đây**không** thuộc khoa học tự nhiên?

A. Vật lí học        B. Sinh học C. Lịch sử               D. Hóa học

**Câu 7.**Lĩnh vực nào sau đây thuộc khoa học tự nhiên?

A. Lịch sử                      B. Văn học

C. Âm nhạc            D. Thiên văn học

**Câu 8.**Ứng dụng nông dân xử lí đất chua bằng vôi bột liên quan tới lĩnh vực nào của khoa học tự nhiên?

A. Vật lí. B. Hoá học.  C. Sinh học. D. Khoa học Trái Đất.

**Câu 9.**Lĩnh Vật lí học nghiên cứu các đối tượng?

A. vật chất, quy luật vận động, lực, năng lượng và sự biến đổi năng lượng.

B. chất và sự biến đổi của chúng.

C. Trái Đất và bầu khí quyển của nó.

D. quy luật vận độn và biến đổi của các vật thể trên bầu trời.

**Câu 10.**Thí nghiệm đo lực kéo hộp bút trên mặt bàn thuộc lĩnh vực khoa học nào?

A. Hóa học                      B. Khoa học Trái Đất

C. Vật lí học                    D. Thiên văn học

**Câu 11:** Ngày nay, người ta đã sản xuất nhiều xe máy điện để phục vụ đời sống của con người.

a) Theo em, việc sửa chữa xe máy điện có phải là nghiên cứu khoa học tự nhiên không?

b) Việc sản xuất xe máy điện là ứng dụng thuộc lĩnh vực nào của khoa học tự nhiên?

c) Sử dụng xe máy điện có gây ô nhiễm môi trường không?

**Câu 12:** Nêu các ví dụ vận dụng kết quả nghiên cứu khoa học vào đời sống thuộc lĩnh vực

1. Sinh học
2. Vật lý
3. Hóa học
4. Thiên văn học
5. Khoa học trái đất

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

## Bài 3 : QUY ĐỊNH AN TOÀN TRONG PHÒNG THỰC HÀNH. GIỚI THIỆU MỘT SỐ DỤNG CỤ ĐO – SỬ DỤNG KÍNH LÚP VÀ KÍNH HIỂN VI QUANG HỌC

**Câu 1.**Quy định nào sau đây là quy định của phòng thực hành?

A. Được ăn, uống trong phòng thực hành.

B. Cặp, túi, ba lô phải để đúng nơi qui định.

C. Có thể tự ý làm các bài thực hành cơ bản.

D. Có thể tự ý xử lý khi gặp sự cố xảy ra.

**Câu 2.**Kí hiệu trong phòng thực hành sau đây có ý nghĩa gì?

A. Cảnh báo có lửa

B. Cảnh báo hỏa hoạn

C. Chất dễ cháy

D. Chất khó cháy

**Câu 3.**Để đo thể tích chất lỏng người ta dùng:

A. Pipette                      B. Nhiệt kế

C. Bình chia độ                D. Cân điện tử

**Câu 4.**Kí hiệu cảnh báo nào cho biết chất độc môi trường?

A. B. C. D.

**Câu 5.**Khi quan sát gân lá cây ta nên chọn loại kính nào?

A. Kinh có độ. B. Kính lúp.

C. Kính hiển vi. D. Kính hiển vi hoặc kính lúp đều được.

**Câu 6.**Để đọc thể tích chất lỏng chính xác, ta cần đặt mắt như thế nào?

A. Đặt mắt nhìn ngang với độ cao mức chất lỏng trong cốc.

B. Đặt mắt nhìn từ trên xuống.

C. Đặt mắt nhìn từ dưới lên.

D. Đặt mắt theo hướng nào cũng đọc chính xác.

**Câu 7**. Việc làm nào sau đây được cho là **không** an toàn trong phòng thực hành?

A. Sử dụng các dụng cụ bảo hộ khi làm thí nghiệm.

B. Thực hiện đúng nguyên tắc khi sử dụng hóa chất, dụng cụ.

C. Lau tay bằng khăn khi kết thúc buổi thực hành.

D. Thu gom hóa chất, rác thải sau khi thực hành và để đúng nơi qui định.

**Câu 8.**Điền vào chỗ trống “…” để được câu hoàn chỉnh:

Độ chia nhỏ nhất là độ dài của hai vạch chia … trên dụng cụ đo.

A. cách nhau                   B. liên tiếp

C. gần nhau                   D. cả 3 phương án trên

**Câu 9.** Khi không may bị hoá chất ăn da bám lên tay thì bước đầu tiên và cần thiết nhất là phải làm gì?

A. Đưa ra trung tâm y tế cấp cứu.

B. Hô hấp nhân tạo.

C. Lấy lá cây thuốc bỏng ép vào.

D. Cởi bỏ phần quần áo dính hoá chất, xả tay dưới vòi nước sạch ngay lập tức.

**Câu 10:** Trong phòng thực hành có thiết bị như trong sau:



a) Tên thiết bị này là gì?

b) Thiết bị này dùng để làm gì?

c) Sau khi dùng thiết bị này làm thí nghiệm, bạn Nguyên không gỡ quả nặng trên thiết bị và treo lên giá đỡ. Theo em, bạn Nguyên làm vậy là đúng hay sai? Giải thích.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

Bài 4: **ĐO CHIỀU DÀI**

**Câu 1.**Đơn vị đo chiều dài trong hệ thống đo lường chính thức của nước ta hiện nay là

A. đêcimét (dm B. mét (m) C. centimét (cm) D. milimét (mm)

**Câu 2.**Hãy cho biết giới hạn đo và độ chia nhỏ nhất của thước kẻ trong hình sau:



A. Giới hạn đo là 9 mm và độ chia nhỏ nhất là 1 mm.

B. Giới hạn đo là 9 cm và độ chia nhỏ nhất là 1 cm.

C. Giới hạn đo là 9 cm và độ chia nhỏ nhất là 2 mm.

D. Giới hạn đo là 9 mm và độ chia nhỏ nhất là 2 cm.

**Câu 3.**Phát biểu nào sau đây **không** thuộc các bước đo chiều dài?

A. Chọn thước đo thích hợp.

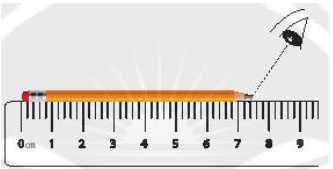
B. Đặt thước dọc theo chiều dài vật cần đo.

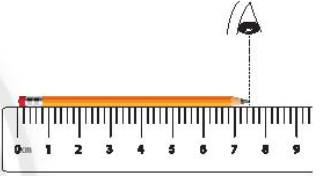
C. Đặt vạch số 0 ngang với một đầu của thước.

D. Đeo kính để đọc số đo chiều dài vật.

**Câu 4.**Cách đặt mắt như thế nào thì đọc được chính xác số đo của vật?

A.

B.

C.

D. Cả A và B đều đúng

**Câu 5.**Điền vào chỗ trống “…” trong câu sau đây để được phát biểu đúng:

“…” của thước là chiều dài lớn nhất ghi trên thước.

A. Giới hạn đo B. Độ chia nhỏ nhất C. Số lớn nhất  D. Số bé nhất

**Câu 6.**Điền vào chỗ trống “…” trong câu sau đây để được phát biểu đúng:

“…” của thước là chiều dài giữa hai vạch chia liên tiếp trên thước.

A. Giới hạn đo B. Độ chia nhỏ nhất C. Số lớn nhất  D. Số bé nhất

**Câu 7.**Cách đổi đơn vị nào sau đây là đúng?

A. 1 m = 0,1 cm                         B. 1 km = 100 m

C. 1 mm = 0, 01 dm                   D. 1 dm = 10 m

**Câu 8.**Một thước có 61 vạch chia thành 60 khoảng đều nhau, vạch đầu tiên ghi số 0, vạch cuối cùng ghi số 30 kèm theo đơn vị cm. Thông tin đúng của thước là:

A. GHĐ và ĐCNN là 60 cm và 2 cm

B. GHĐ và ĐCNN là 30 cm và 2 cm

C. GHĐ và ĐCNN là 60 cm và 0,5 cm

D. GHĐ và ĐCNN là 30 cm và 0,5 cm

**Câu 9.**Ta có kết quả đo chiều dài một bàn học với ba lần đo như sau:

Lần 1: 200 cm

Lần 2: 202 cm

Lần 3: 201 cm

Hỏi chiều dài trung bình của bàn học là bao nhiêu?

A. 200 cm          B. 201 cm           C. 202 cm            D. 199 cm